







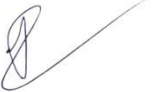




Hải Thịnh, ngày 05 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025 – 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phan Thanh Hiện	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Vũ Thị Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch thường trực	
3	Hoàng Thị Hoa	Thư ký hội đồng	Ủy viên Thư ký	
4	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Giáo viên Tin học / Cán bộ phụ trách CNTT	Ủy viên phụ trách kỹ thuật	
5	Trần Xuân Thịnh	Tổ trưởng Tổ Khoa học Tự nhiên	Ủy viên	
6	Nguyễn Văn Lại	Tổ trưởng Tổ Khoa học xã hội	Ủy viên	
7	Trần Ngọc Doanh	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên	
8	Trần Thị Yên	Kê toán	Ủy viên	

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
9	Trần Thị Hà Phương	Nhân viên Văn thư	Ủy viên	
10	Vũ Thị Liên	Nhân viên Y tế	Ủy viên	
11	Trần Văn Hà	Trưởng ban ĐD CMHS trường	Ủy viên giám sát	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	6
B. TỰ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT	6
I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	6
II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	9
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	11
Phần IV. PHỤ LỤC (BẢNG TỔNG HỢP MẪU 03)	12

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNTT: Công nghệ thông tin

CĐS: Chuyển đổi số

CSDL: Cơ sở dữ liệu

CSGD: Cơ sở giáo dục

LMS: Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System)

TĐG: Tự đánh giá

CBGVNV: Cán bộ, giáo viên, nhân viên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá chỉ tiêu thành phần

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học			x
Tiêu chí 1.1: Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến			x
Tiêu chí 1.2: Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			x
Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (LMS)			x
Tiêu chí 1.4: Số hóa các học liệu			x
Tiêu chí 1.5: Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính			x
Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số			x
Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số		x	
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			x
Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách CNTT, CDS			x
Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS			x
Tiêu chí 2.3: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường			x
Tiêu chí 2.4: Triển khai dịch vụ trực tuyến			x

2. Kết luận chung về mức độ chuyển đổi số:

Mức độ CDS trong dạy, học: **Mức độ 3** (Đạt 83/100 điểm).

Mức độ CDS trong quản trị cơ sở giáo dục: **Mức độ 3** (Đạt 93/100 điểm).

Kết luận chung toàn đơn vị: Đạt Mức độ 3

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Ninh Bình.

Xã/phường: Hải Thịnh.

Điện thoại: 0915920839

Email: thesthinlong@gmail.com

Website: thesthinlong.ninhbinh.edu.vn.

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3.

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV): 47 người. Trong đó: Ban giám hiệu: 02; Giáo viên đứng lớp: 42 (01 GV hợp đồng); Nhân viên hành chính: 03(01 Nhân viên hợp đồng).

Tổng số học sinh toàn trường: 1029 học sinh chia thành 23 lớp

Khối 6: 274h/s - 6 lớp.

Khối 7: 266 h/s - 6 lớp.

Khối 8: 275 h/s - 6 lớp.

Khối 9: 214 h/s - 5 lớp.

Cụ thể sĩ số từng lớp

Lớp	SL	Lớp	SL	Lớp	SL	Lớp	SL
6A	47	7A	45	8A	51	9A	44
6B	46	7B	45	8B	51	9B	44
6C	46	7C	47	8C	45	9C	45
6D	44	7D	45	8D	43	9D	44
6E	45	7E	43	8E	44	9E	37
6G	46	7G	41	8G	41		
Khối 6	274	Khối 7	266	Khối 8	275	Khối 9	214

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số:

100% (47/47) CBGVNV có tài khoản định danh ngành, sử dụng thành thạo máy tính, hòm thư công vụ và phần mềm chuyên môn phục vụ công việc.

Nhà trường bố trí 01 giáo viên chuyên trách tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tin học phụ trách trực tiếp về kỹ thuật, an ninh mạng và quản trị hệ thống phần mềm.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin:

Nhà trường trang bị 02 đường truyền mạng Internet cáp quang băng thông rộng độc lập kết nối đến tất cả các phòng làm việc và phòng học chuyên dụng.

Hệ thống máy tính: 35 máy tính hoạt động ổn định phục vụ phòng học Tin học và khối văn phòng hành chính; 23 lớp học đều được trang bị máy tính phục vụ cho việc dạy và học.

Thiết bị hỗ trợ: 11 phòng học được trang bị ti vi thông minh; 19 phòng học, phòng bộ môn được trang bị máy chiếu có kết nối mạng Internet phục vụ giảng dạy và tương tác.

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường: Trường THCS Thịnh Long đóng trên địa bàn xã Hải Thịnh luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền và cơ quan quản lý giáo dục. Với đội ngũ cán bộ vững vàng và hạ tầng kỹ thuật cơ bản đồng bộ, nhà trường xác định công nghệ thông tin và chuyển đổi số là đòn bẩy chiến lược để nâng cao chất lượng dạy học và cải cách hành chính.

2. Mục đích TĐG: Nhằm rà soát kỹ lưỡng, đối chiếu khách quan toàn bộ các hoạt động ứng dụng CNTT và CĐS của nhà trường theo Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá theo quy định của BGD&ĐT; xác định rõ những điểm mạnh để phát huy, nhận diện điểm yếu để xây dựng kế hoạch cải tiến kịp thời, hoàn thiện hồ sơ phục vụ kiểm tra thực tế.

3. Tóm tắt quá trình hoạt động TĐG:

Thành lập Hội đồng TĐG: Quyết định số 57/QĐ-THCSTL ngày 02 tháng 6 năm 2026 gồm 11 thành viên.

Hội đồng đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách. Căn cứ vào từng tiêu chí, nhóm công tác và từng cá nhân được giao nhiệm vụ phụ trách tiêu chí đó tiến hành thu thập, xử lý và phân tích minh chứng để đưa ra kết luận tự đánh giá mức độ đạt của tiêu chí, nhóm tiêu chí. Báo cáo Hội đồng TĐG.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT

I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu: Công tác chuyển đổi số dạy học của nhà trường được xây dựng bền vững, tập trung vào việc số hóa học liệu, ứng dụng các công cụ tương tác hiện đại và nền tảng LMS để mở rộng không gian học tập, giúp học sinh chủ động tiếp cận tri thức và kiểm tra đánh giá công bằng.

1. Tiêu chí 1.1: Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)

a) **Mô tả hiện trạng:** Đầu năm học, nhà trường ban hành Kế hoạch số 63c/KH-THCSTL ngày 02 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết phương án, quy trình phối hợp dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến trực quan. Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nội dung chương trình, phân phối thời lượng ứng dụng công nghệ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chuyên môn [MCI.1.01].

b) **Điểm mạnh:** Kế hoạch có tính thực tiễn cao, dự phòng đầy đủ các kịch bản linh hoạt khi thời tiết bất lợi hoặc thiên tai xảy ra, được 100% tổ chuyên môn cụ thể hóa vào phân phối chương trình.

c) **Điểm yếu:** Một vài nội dung kết hợp trong các môn đặc thù (Thể dục, Nhạc, Họa) xây dựng còn tương đối sơ sài.

d) **Kế hoạch cải tiến:** Trong năm học tới, Ban giám hiệu chỉ đạo các tổ bộ môn nghệ thuật và thể chất tăng cường sinh hoạt chuyên môn đổi mới, thiết kế video hướng dẫn chi tiết để học sinh tự rèn luyện tại nhà thông qua nền tảng trực tuyến.

2. Tiêu chí 1.2: Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

a) **Mô tả hiện trạng:** Nhà trường đã ban hành Quy chế số 63b/QC-THCSTL ngày 02 tháng 10 năm 2025 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của giáo viên, quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, quy trình điểm danh, kiểm tra chuyên cần và bảo mật tài khoản phòng học số của học sinh [MCI.2.01].

b) **Điểm mạnh:** Quy chế chặt chẽ, giúp duy trì nề nếp học tập trực tuyến nghiêm túc tương đương lớp học trực tiếp, không xảy ra hiện tượng mất an toàn thông tin.

c) **Điểm yếu:** Việc kiểm soát tương tác thực tế của học sinh trong giờ học trực tuyến đôi khi phụ thuộc lớn vào tính tự giác của học sinh.

d) **Kế hoạch cải tiến:** Tăng cường tập huấn cho giáo viên chủ nhiệm phương pháp tổ chức trò chơi tương tác số đầu giờ học để thu hút và duy trì sự chú ý của học sinh.

3. Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (LMS)

a) **Mô tả hiện trạng:** Nhà trường vận hành đồng bộ hệ thống phần mềm OLM.VN và hệ sinh thái quản lý học tập tích hợp. Hệ thống có đầy đủ tính năng giao bài tập số, giải đáp thắc mắc trực tuyến, tự động chấm điểm và thông báo kết quả chi tiết cho phụ huynh tham gia theo dõi học tập [MCI.3.01].

b) **Điểm mạnh:** Hệ thống vận hành ổn định, giao diện thân thiện; dữ liệu học tập của học sinh được phân tích tự động giúp giáo viên nắm bắt lỗ hổng kiến thức kịp thời.

c) **Điểm yếu:** Tốc độ đường truyền đôi khi bị chậm vào khung giờ cao điểm buổi tối khi lượng học sinh truy cập làm bài tập lớn.

d) Kế hoạch cải tiến: Làm việc với nhà mạng để nâng cấp gói băng thông cáp quang tốc độ cao của trường và hướng dẫn giáo viên giãn cách thời gian hạn chót nộp bài linh hoạt.

e) Tự đánh giá: 23/30 điểm; Đạt Mức độ 3.

4. Tiêu chí 1.4: Số hóa các học liệu

a) Mô tả hiện trạng: Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng kho học liệu số dùng chung trên hệ thống OLM.VN. Đến nay, 100% các môn học đều có các định dạng học liệu số (video bài giảng, bài giảng tương tác, ngân hàng câu hỏi, sơ đồ tư duy). Đặc biệt, nhà trường đã bước đầu số hóa và đưa vào giảng dạy thực nghiệm nội dung giáo dục địa phương (Chủ đề: Hát Xẩm ở Ninh Bình cho học sinh lớp 7).

b) Điểm mạnh: Kho học liệu phong phú, giáo viên tích cực chia sẻ tài nguyên số; học sinh dễ dàng truy cập tự học, tự ôn tập mọi lúc mọi nơi.

c) Điểm yếu: Tỷ lệ học liệu số tự cấu trúc, tự biên soạn có chất lượng cao (bài giảng E-learning tham gia dự thi cấp tỉnh) còn chưa nhiều; phần lớn vẫn là học liệu khai thác từ kho dùng chung.

d) Kế hoạch cải tiến: Giao chỉ tiêu cho mỗi tổ chuyên môn (Tự nhiên, Xã hội) xây dựng ít nhất 03 bài giảng E-learning xuất sắc mỗi học kỳ; tăng cường đầu tư, thẩm định chất lượng các bài giảng số hóa về văn hóa truyền thống địa phương (Hát Xẩm) để nâng cao kho dữ liệu riêng của trường.

e) Tự đánh giá: 10/10 điểm; Đạt Mức độ 3.

5. Tiêu chí 1.5: Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

a) Mô tả hiện trạng: Nhà trường đã tổ chức thành công một số bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và một số bài kiểm tra định kỳ (khảo sát đầu năm) trực tuyến trên phòng máy tính thông qua nền tảng OLM.VN, các cuộc thi IOE, VIOEDU. Hệ thống thi trực tuyến OLM được cấu hình liên thông dữ liệu trực tiếp với hệ thống quản trị nhà trường (SMAS), giúp điểm số của học sinh tự động đồng bộ sang sổ điểm điện tử sau khi giáo viên phê duyệt kết quả.

b) Điểm mạnh: Quy trình tổ chức thi trên máy tính khách quan, minh bạch, giảm áp lực chấm bài cho giáo viên; dữ liệu điểm số đồng bộ chuẩn xác giữa OLM và SMAS, không xảy ra sai sót do nhập liệu thủ công. Tổ chức được các ca thi trực tuyến từ các vòng thi cấp trường, cấp xã, cấp Tỉnh cuộc thi Vioedu và IOE.

c) Điểm yếu: Do số lượng máy tính giới hạn, việc tổ chức kiểm tra định kỳ tập trung cho toàn khối trên phòng máy phải chia thành nhiều ca, gây áp lực về thời gian quản lý và bảo mật đề thi giữa các ca.

d) Kế hoạch cải tiến: Từng bước giãn cách lịch kiểm tra giữa các lớp; ứng dụng tính năng đảo đề, trộn câu hỏi ngẫu nhiên từ ngân hàng đề của OLM để đảm bảo tính công bằng và bảo mật tuyệt đối giữa các ca thi.

e) Tự đánh giá: 17/20 điểm; Đạt Mức độ 3.

6. Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số

a) Mô tả hiện trạng: 100% giáo viên (41/41 đồng chí) có tài khoản hoạt động và tham gia bồi dưỡng thường xuyên tích cực trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến (TEMIS/LMS của Bộ GDĐT). Hơn 90% giáo viên làm chủ được các phần mềm, công cụ đổi mới phương pháp (như Canva, phần mềm sơ đồ tư duy, Quizizz). 100% giáo viên có khả năng tự xây dựng được học liệu số và thiết kế bài giảng điện tử tương tác phục vụ giảng dạy hàng ngày.

b) Điểm mạnh: Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, có tinh thần tự học rất cao; năng lực số hóa bài giảng và ứng dụng công nghệ của giáo viên đồng đều giữa các tổ chuyên môn.

c) Điểm yếu: Kỹ năng ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ giảng dạy và xử lý video chuyên sâu của một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

d) Kế hoạch cải tiến: Tổ công tác CNTT nhà trường tổ chức các buổi chuyên đề cạo sát thực tế, "cầm tay chỉ việc" hướng dẫn giáo viên khai thác ứng dụng công nghệ mới và nâng cấp kỹ năng xây dựng học liệu số nâng cao.

e) Tự đánh giá: 20/20 điểm; Đạt Mức độ 3.

a) Mô tả hiện trạng: 100% các phòng học của nhà trường đều được lắp đặt tivi thông minh kích thước lớn/máy chiếu có kết nối mạng Internet cáp quang/Wifi ổn định phục vụ giảng dạy tương tác. Phòng máy tính dạy môn Tin học có 28 máy hoạt động tốt, cơ bản đáp ứng tỷ lệ 2 học sinh/máy. Nhà trường chưa xây dựng phòng studio chuyên dụng độc lập nhưng đã bố trí 1 phòng đa năng có trang bị thiết bị ghi âm, phòng xanh, máy quay và hệ thống ánh sáng cơ bản để giáo viên ghi hình bài giảng.

b) Điểm mạnh: Hạ tầng phòng học đồng bộ, mạng Internet phủ sóng toàn trường phục vụ tức thời cho việc tương tác số của giáo viên và học sinh trong tiết học.

c) Điểm yếu: Chưa có phòng studio chuyên nghiệp đạt chuẩn cách âm để sản xuất các học liệu số chất lượng phát thanh - truyền hình. Phòng máy tính Tin học đôi khi gặp sự cố phần cứng nhỏ do tần suất khai thác sử dụng cao.

d) Kế hoạch cải tiến: Chủ động tham mưu với UBND xã Hải Thịnh nâng cấp, sửa chữa nhỏ hệ thống máy tính định kỳ; từng bước cải tạo phòng đa năng hiện có thành phòng thu âm, ghi hình bài giảng (Studio) đạt chuẩn cách âm tốt hơn trong năm học tới.

e) Tự đánh giá: 13/20 điểm; Đạt Mức độ 2.

Kết luận về Nhóm Tiêu chí CDS trong dạy, học: Tổng số điểm: 83/100; xếp loại chung đạt Mức độ 3.

II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu: Nhà trường đẩy mạnh toàn diện mô hình "Văn phòng không giấy tờ", đồng bộ hóa 100% hồ sơ nhân sự, hồ sơ học sinh trực tuyến, tối ưu hóa các thủ tục hành chính, dịch vụ công và minh bạch hóa tài chính qua nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

1. Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng: Nhà trường đã ban hành Quyết định số 63a/QĐ-THCSTL 02 tháng 10 năm 2025 thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công tác chuyên trách về CNTT và Chuyển đổi số do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng thành viên [MC2.1.01].

b) Điểm mạnh: Thành viên tổ công tác hoạt động năng nổ, phản ứng nhanh, hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho toàn thể cán bộ giáo viên nhà trường.

c) Điểm yếu: Các thành viên trong tổ đều là kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác nghiên cứu chuyên sâu về các giải pháp bảo mật nâng cao còn hạn chế nhất định.

d) Kế hoạch cải tiến: Cử cán bộ phụ trách kỹ thuật tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên sâu do Sở GDĐT tổ chức trong hè năm 2026.

2. Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

a) Mô tả hiện trạng: Nhà trường ban hành số 63/KH-THCSTL ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số năm học 2025-2026; Kế hoạch được xây dựng bài bản, xác định rõ lộ trình thực hiện Học bạ số, đồng bộ dữ liệu CSDL ngành và phân bổ kinh phí hợp lý [MC2.2.01].

b) Điểm mạnh: Tiến trình thực hiện trong kế hoạch bám sát thực tế, có các mốc kiểm tra định kỳ hàng tháng để đôn đốc tiến độ.

c) Điểm yếu: Dự toán kinh phí dành cho mua sắm thiết bị thay thế phát sinh còn gặp khó khăn.

d) Kế hoạch cải tiến: Chủ động xây dựng quỹ dự phòng tài sản CNTT trong quy chế chi tiêu nội bộ năm tiếp theo để xử lý nhanh sự cố phần cứng.

3. Tiêu chí 2.3: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường

a) Mô tả hiện trạng: Khai thác toàn diện hệ thống quản lý SMAS kết nối liên thông CSDL ngành. Đã thực hiện số hóa 100% hồ sơ học sinh, sổ điểm điện tử, học bạ số, phân hệ quản lý cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, y tế trường học, quản lý thư viện trực tuyến và hệ thống quản lý văn bản điều hành có sử dụng chữ ký số [MC2.3.01].

b) Điểm mạnh: Hệ thống quản lý khoa học, kết xuất báo cáo nhanh chóng, chính xác; loại bỏ hoàn toàn các loại hồ sơ sổ sách bản giấy rườm rà.

c) Điểm yếu: Phân hệ quản lý thông tin sức khỏe học sinh đôi khi cập nhật chưa đồng bộ thời gian thực với dữ liệu trạm y tế địa phương.

d) Kế hoạch cải tiến: Chủ động phối hợp với Y tế xã Hải Thịnh để chuẩn hóa định kỳ dữ liệu khám sức khỏe của học sinh trên phần mềm quản lý.

e) Tự đánh giá: 66/70 điểm; Đạt Mức độ 3.

4. Tiêu chí 2.4: Triển khai dịch vụ trực tuyến

a) Mô tả hiện trạng: 100% công tác tuyển sinh đầu cấp được thực hiện qua cổng trực tuyến, qua nền tảng số OLM.VN (thuê dịch vụ theo năm). Ứng dụng số liên lạc điện tử kết nối thông suốt tương tác giữa gia đình và nhà trường. Thực hiện thanh toán khoản thu dịch vụ không dùng tiền mặt, đạt tỷ lệ trên 90% [MC2.4.01]).

b) Điểm mạnh: Tạo thuận lợi tối đa cho phụ huynh học sinh, tiết kiệm thời gian đi lại, minh bạch hóa các khoản thu chi giáo dục.

c) Điểm yếu: Một số ít phụ huynh lớn tuổi (ông bà nuôi cháu) còn gặp khó khăn khi thao tác quét mã QR chuyển khoản.

d) Kế hoạch cải tiến: Tổ công tác chuyển đổi số phối hợp với giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn trực tiếp, in sẵn mã QR dán vào sổ theo dõi của học sinh để hỗ trợ gia đình.

e) Tự đánh giá: 27/30 điểm; Đạt Mức độ 3.

Kết luận về Nhóm Tiêu chí CDS trong quản trị: Đạt tổng số 93/100 điểm; xếp loại chung đạt Mức độ 3.

Phần III: KẾT LUẬN CHUNG

Thống kê chỉ tiêu đạt được: 100% các tiêu chí thành phần đều đạt từ Mức độ 2 trở lên, trong đó tỷ lệ đạt Mức độ 3 chiếm trên 90%.

Tổng điểm chuyển đổi số trong dạy, học tự đánh giá: 83/100 điểm.

Tổng điểm Chuyển đổi số trong quản trị: 93/100 điểm.

Đề nghị công nhận: Trường THCS Thịnh Long kính đề nghị Hội đồng kiểm tra cấp trên xem xét, thẩm định và công nhận nhà trường đạt mức độ chuyển đổi số: **Mức độ 3 (Mức độ Chuyển đổi số toàn diện).**

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Các tổ CM;
- Ban CDS Nhà trường
- Lưu VT...

Hải Thịnh, ngày 05 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PHAN THANH HIỆN

**Phần IV: PHỤ LỤC MẪU 03 BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA TRƯỜNG THCS THỊNH LONG
NĂM HỌC 2025 – 2026**

STT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	83	
1.1	<i>Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)</i>		thcsthinlong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.2	<i>Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến</i>		thcsthinlong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.3	<i>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</i>	23	thcsthinlong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	6	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2 https://taphuan.cSDL.edu.vn/faq
1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	5	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	4	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	4	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.3.5	(4) Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	4	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.4	<i>Số hóa các học liệu</i>	10	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2

STT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
1.5	<i>Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</i>	17	
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	12	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2 https://ioe.vn/quan-ly/truong/system/quan-ly-hoc-sinh https://vio.edu.vn/school-zone/manage-teacher-class
1.5.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5	https://ioe.vn/quan-ly/truong/system/quan-ly-hoc-sinh https://vio.edu.vn/school-zone/manage-teacher-class
1.6	<i>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</i>	20	
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	https://taphuan.csdl.edu.vn/faq
1.6.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.6.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
1.7	<i>Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học</i>	13	
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard

STT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	5	https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard
1.7.3	Có phòng studio	0	
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	93	
2.1	<i>Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</i>		thcsthinglong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
2.2	<i>Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số</i>		thcsthinglong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
2.3	<i>Triển khai phần mềm quản trị nhà trường</i>	66	thcsthinglong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
2.3.1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	8	thcsthinglong.ninhbinh.edu.vn/ https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
2.3.2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	8	https://vtsmas.vn/ https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard
2.3.3	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10	https://vtsmas.vn/

STT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
2.3.4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	8	https://vtsmas.vn/ https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
2.3.5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	8	https://vtsmas.vn/ https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard
2.3.6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	10	https://vtsmas.vn/ https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard
2.3.7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	6	https://mimosaapp.misa.vn/
2.3.8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử		
2.3.9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên		https://olm.vn/school-task/lesson-plan-all/page-2
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...		thcsthinlong.ninhbinh.edu.vn/ https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/qlvbdh/main?IyLICc5f5w5fCES.=CEt1CzAwJyHx4yjbTq9vCBtuTt9fCcPbUo

STT	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
2.3.11	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	8	https://vtsmas.vn/ https://truong.csdl.moet.gov.vn/Default.aspx https://dongbo.csdl.edu.vn/dashboard
2.4	Triển khai dịch vụ trực tuyến	27	
2.4.1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	5	Zalo; feceebok...
2.4.2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	12	https://olm.vn/tsdc/14053?level=thcs
2.4.3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10	https://qltc.dtsoft.vn/
	Mức độ chuyển đổi số trong dạy, học:	83	
	Mức độ chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:	93	
	Mức độ chuyển đổi số của đơn vị:		Mức độ 3